

TỔNG HỢP
CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐANG TRIỂN KHAI
TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
1	Hộ nghèo	Hộ nghèo	10 năm	6,24	100 triệu/hộ
2	Hộ cận nghèo	Hộ cận nghèo	10 năm	7,488	100 triệu/hộ
3	Hộ mới thoát nghèo	Hộ mới thoát nghèo	05 năm	7,8	100 triệu/hộ
4	Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	- HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ, hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động; - HSSV là thành viên hộ gia đình thuộc: hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ có mức sống trung bình; hộ gặp khó khăn về tài chính; - Người có đất thu hồi; - HSSV y khoa có hoàn cảnh khó khăn sau khi đã tốt nghiệp, trong thời gian thực hành tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để được cấp chứng chỉ hành nghề.	- Loại hình đào tạo đến 1 năm: 3 lần thời hạn phát tiền vay +12 tháng. - Loại hình đào tạo trên 1 năm: 2 lần thời hạn phát tiền vay +12 tháng. (Thời hạn phát tiền vay: tính từ khi người vay nhận món vay đầu tiên đến ngày sinh viên kết thúc khóa học)	6,24	4 triệu/tháng/ sinh viên

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
5	Học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán	Học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam đang theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán theo quy định tại QĐ 29/2025/QĐ-TTg tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam	Thời hạn giải ngân + 12 tháng + thời hạn trả nợ. Thời hạn giải ngân: tính từ ngày khách hàng nhận khoản vay đầu tiên đến khi kết thúc khóa học. Thời hạn trả nợ: tối đa bằng thời hạn giải ngân trừ đi thời gian nghỉ học (nếu có)	4,8	Toàn bộ tiền học phí phải đóng của người học (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường nếu có) + tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác tối đa là 5 triệu đồng/tháng
6	Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm	Người lao động	10 năm	7,488	100 triệu/ lao động
		Người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Người khuyết tật		3,744	
		Cơ sở sản xuất kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh)		7,488	02 tỷ/dự án và không quá 100 triệu đồng/01 người lao động

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
		Cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật/người dân tộc thiểu số/người khuyết tật và người dân tộc thiểu số		3,744	
7	Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Hộ gia đình cư trú tại vùng nông thôn, chưa có công trình cấp nước, công trình vệ sinh hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa.	5 năm	8,4	25 triệu/công trình
8	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	- Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. - Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn. - Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu. - Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị.	25 năm	5,4	80% giá trị hợp đồng mua, thuê mua 70% giá trị dự toán xây mới, sửa chữa, tối đa 01 tỷ đồng và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
		- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị. - Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp. - Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác. - Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.			
9	Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; - Người lao động là người dân tộc thiểu số, thân nhân của người có công với cách mạng; - Người lao động là người có đất thu hồi.	Thời hạn làm việc ở nước ngoài ghi trên hợp đồng lao động	6,24	100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
10	Ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS	- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; - Người lao động là người dân tộc thiểu số, thân nhân của người có công với cách mạng; - Người lao động là người có đất thu hồi.	05 năm 04 tháng	6,24	100 triệu/người lao động
11	Người chấp hành xong án phạt tù	Người chấp hành xong án phạt tù (CHXAPT)	- Đào tạo nghề: + Loại hình đào tạo đến 1 năm: 3 lần thời hạn phát tiền vay. + Loại hình đào tạo trên 1 năm: 2 lần thời hạn phát tiền vay - Sản xuất kinh doanh: 10 năm	6,24	- Đào tạo nghề: 04 triệu/tháng/người CHXAPT - Sản xuất kinh doanh: 100 triệu/người CHXAPT
		Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng tối thiểu là 10% tổng số lao động là người CHXAPT			02 tỷ/dự án và không quá 100 triệu/lao động
12	Hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn	Các hộ gia đình thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực mà pháp luật không cấm tại vùng khó khăn	Ngắn hạn, trung hạn và dài hạn	7,8	100 triệu/hộ
13	Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn	Thương nhân (bao gồm: tổ chức kinh tế, cá nhân hoạt động thương mại có đăng ký kinh doanh) hoạt động thương mại thường xuyên tại vùng khó khăn.	5 năm	7,8	100 triệu/cá nhân
					01 tỷ/tổ chức

TT	Tên chương trình cho vay		Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
14	Phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP	Đất ở	Hộ nghèo dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi	15 năm	3	50 triệu/hộ
		Nhà ở				40 triệu/hộ
		Đất sản xuất	Hộ nghèo	10 năm	3,12	77,5 triệu/hộ
		Chuyển đổi nghề		10 năm	3,12	100 triệu /hộ
		Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị		10 năm	3,12	100 triệu/hộ
			Hộ cận nghèo		3,744	
		Doanh nghiệp, hợp tác xã có 70% người lao động là người dân tộc thiểu số	05 năm	3,96	02 tỷ/khách hàng	
Phát triển vùng được liệu quý	10 năm	3,96	45% tổng mức đầu tư và không vượt quá 96 tỷ/ 01 dự án vùng trồng được liệu quý và 92 tỷ/01 dự án trung tâm nhân giống; 100 triệu/hộ			
15	Dự án KFW		Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động kinh doanh tại Việt Nam	5 năm	9	01 tỷ/doanh nghiệp
16	Nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ ở đồng bằng Sông Cửu Long		Hộ gia đình có tên trong danh sách được UBND cấp tỉnh, huyện phê duyệt	10 năm	3	40 triệu/hộ

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
17	Dự án phát triển lâm nghiệp (WB)	Hộ gia đình tham gia trồng, chăm sóc rừng trồng của dự án	15 năm	6,24	25 triệu/ha
18	Dự án mở rộng tiếp cận tài chính cho người khuyết tật, cho vay quy mô nhỏ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng, phục vụ hoặc do người khuyết tật làm chủ (NIPPON)	Doanh nghiệp nhỏ và vừa do người khuyết tật làm chủ/ thuê lao động là người khuyết tật/ sản xuất các sản phẩm và dịch vụ cho người khuyết tật Hộ kinh doanh do người khuyết tật làm chủ/ có thành viên là người khuyết tật/ thuê lao động là người khuyết tật/ sản xuất các sản phẩm và dịch vụ cho người khuyết tật	5 năm	6,24	- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh: 01 tỷ - Hộ gia đình: 50 triệu